

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ
khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của
Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa
học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của
Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và
công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính
phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính
phủ quy định về việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển
khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa
học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ
trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông*

tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT/BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của liên Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 96/TTr-SKHCN ngày 21 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 9 năm 2020 và thay thế Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Ban hành Quy chế quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh, CV;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, K16.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Phi Long

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Định

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng từ ngân sách nhà nước (cấp 100% hoặc hỗ trợ một phần kinh phí).

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là cấp huyện).

b) Các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng từ ngân sách nhà nước.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh* là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh được tổ chức thực hiện dưới hình thức đề tài khoa học và công nghệ, đề án khoa học, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ, chương trình khoa học và công nghệ, được Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc uỷ quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định phê duyệt.

a) *Đề tài khoa học và công nghệ* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung chủ yếu là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn, bao gồm đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

b) *Đề án khoa học* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu xác định cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật.

c) *Dự án sản xuất thử nghiệm* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

d) *Dự án khoa học và công nghệ* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ chủ yếu phục vụ việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực có tác động nâng cao trình độ công nghệ của một ngành, một lĩnh vực và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được triển khai dưới hình thức đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm và dự án đầu tư khoa học và công nghệ có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định.

đ) *Chương trình khoa học và công nghệ* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có mục tiêu chung giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ trung hạn hoặc dài hạn được triển khai dưới hình thức tập hợp các đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ.

e) *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng* là đề tài khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ tập trung nghiên cứu giải quyết những vấn đề khoa học và công nghệ đòi hỏi tính ứng dụng cao và có triển vọng tạo ra, phát triển hướng nghiên cứu mới hoặc sản phẩm mới thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm của tỉnh.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ của cơ sở và do thủ trưởng cấp cơ sở ký hợp đồng thực hiện bao gồm:

a) Đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

b) Dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

3. Thủ trưởng cấp cơ sở là thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (đối với ngành); là Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (đối với cấp huyện).

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở tại các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: là những nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng dựa trên cơ sở yêu cầu thực tiễn công tác quản lý nhà nước và phát triển khoa học và công nghệ của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở tại huyện, thị xã, thành phố: là nhiệm vụ khoa học và công nghệ giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ dưới hình thức nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

4. *Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ* (sau đây gọi tắt là *đề xuất đặt hàng*) là đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) xem xét đặt hàng.

5. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng* là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ - cơ quan được giao quản lý) đặt hàng cho tổ chức và cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

6. *Đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ* là việc bên đặt hàng đưa ra yêu cầu về sản phẩm khoa học và công nghệ, cung cấp kinh phí để tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tạo ra sản phẩm khoa học và công nghệ.

7. *Tổ chức khoa học và công nghệ* là tổ chức có chức năng chủ yếu nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ, được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật.

8. *Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ* là người thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ.

9. *Tuyển chọn* là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm tốt nhất để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đặt hàng của cơ quan có thẩm quyền thông qua việc xem xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn theo những yêu cầu, tiêu chí quy định tại Quy chế này.

10. *Giao trực tiếp* là việc chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đặt hàng của cơ quan có thẩm quyền.

11. *Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh* là văn bản pháp lý được ký kết giữa Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ) với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

12. *Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở* là văn bản pháp lý được ký kết giữa thủ trưởng cấp cơ sở hoặc bộ phận tham mưu quản lý hoạt động khoa học và công nghệ với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (sau đây gọi tắt là Hợp đồng).

13. *Đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ* là quá trình thẩm định, nhận định các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ so với toàn bộ nội dung của Hợp đồng và các tài liệu pháp lý liên quan khác khi kết thúc Hợp đồng.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng Quy chế

1. Quy chế này áp dụng cho việc quản lý và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng từ ngân sách nhà nước.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng từ ngân sách nhà nước, thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Mã số nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ghi theo nhóm ký hiệu sau: XX - YY - ZZZZ, giữa các nhóm ký hiệu là dấu gạch ngang, trong đó:

1. Ký hiệu XX là nhóm 2 chữ số ghi số thứ tự của đề tài theo số thứ tự được ghi trong Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Ủy ban nhân dân tỉnh trong năm kế hoạch (trường hợp có nhiều Quyết định thì ghi số thứ tự tiếp theo).

2. Ký hiệu YY là nhóm 2 chữ số ghi theo chỉ số phân loại lĩnh vực khoa học và công nghệ

- | | |
|---|----|
| a) Khoa học tự nhiên | 01 |
| b) Khoa học kỹ thuật và công nghệ | 02 |
| c) Khoa học nông nghiệp (bao gồm nông - lâm nghiệp và thủy sản) | 03 |
| d) Khoa học y dược | 04 |
| đ) Khoa học xã hội và nhân văn | 05 |

3. Ký hiệu ZZZZ là nhóm 4 chữ số ghi năm thực hiện đề tài (năm bắt đầu thực hiện theo hợp đồng đã được ký kết giữa Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan với cơ quan chủ trì).

Điều 5. Điều kiện để tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở là các tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; có năng lực tổ chức, liên kết để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trước đây.

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh,

cấp cơ sở khác do mình chủ trì sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có).

c) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn thành việc đăng ký, nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở khác có sử dụng ngân sách nhà nước.

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở khác sẽ không được đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu, điều kiện sau:

a) Có trình độ đại học trở lên.

b) Có chuyên môn, vị trí công tác phù hợp với nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ và ít nhất 03 năm (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh) hoặc 02 năm (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở) kinh nghiệm công tác tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

c) Có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và đảm bảo đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở.

d) Trường hợp đặc biệt khác với các yêu cầu tại các điểm a, b, c khoản này do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh) hoặc thủ trưởng cấp cơ sở (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở) quyết định.

4. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở khác.

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở khác do mình làm chủ nhiệm sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm thời gian được gia hạn (nếu có).

c) Có nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở do mình làm chủ nhiệm bị đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian là 02 năm đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh hoặc 01 năm (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở) kể từ khi có kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh.

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở khác do mình làm chủ nhiệm sẽ không được tham gia tuyển chọn,

giao trực tiếp trong thời gian 03 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Yêu cầu chung

a) Có tính cấp thiết cao hoặc tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong phạm vi của tỉnh.

b) Các vấn đề khoa học cần phải huy động nguồn lực khoa học và công nghệ của tỉnh (nhân lực khoa học và công nghệ hoặc nguồn tài chính) hoặc góp phần giải quyết những nhiệm vụ mang tính liên vùng, liên ngành; vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu khẩn cấp của tỉnh về quốc phòng, an ninh, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ.

c) Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện.

2. Yêu cầu riêng đối với đề tài cấp tỉnh

a) Đề tài trong lĩnh vực khoa học công nghệ và kỹ thuật (sau đây gọi là đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ) phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ dự kiến: có triển vọng lớn tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng tại tỉnh Bình Định; được hoàn thành ở dạng mẫu và sẵn sàng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm; có khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng.

- Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

b) Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: kết quả đảm bảo tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

c) Đối với đề tài trong các lĩnh vực khác: sản phẩm khoa học và công nghệ đảm bảo tính mới, tính tiên tiến so với các kết quả đã được tạo ra tại tỉnh Bình Định hoặc trong nước thông qua các công bố trong nước có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội.

d) Thời gian thực hiện đề tài cấp tỉnh tối đa không quá 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng khoa học và công nghệ; trường hợp đặc biệt cần kéo dài hơn do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Thời gian kéo dài được thực hiện tại Điều 25 của Quy chế này.

3. Yêu cầu riêng đối với dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh

a) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ có khả năng ứng dụng hoặc có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế hoặc giải pháp hữu ích.

b) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến đảm bảo tính ổn định ở quy mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt.

c) Có khả năng huy động được nguồn kinh phí từ các doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.

d) Thời gian thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh tối đa không quá 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng khoa học và công nghệ; trường hợp đặc biệt cần kéo dài hơn do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Thời gian kéo dài được thực hiện tại Điều 25 của Quy chế này.

4. Yêu cầu riêng đối với đề án khoa học cấp tỉnh

a) Kết quả nghiên cứu là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

b) Thời gian thực hiện đề án khoa học và công nghệ cấp tỉnh không quá 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng khoa học và công nghệ; trường hợp đặc biệt cần kéo dài hơn do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Thời gian kéo dài được thực hiện tại Điều 25 của Quy chế này.

5. Yêu cầu riêng đối với dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh

a) Giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn của tỉnh, ngành và địa phương hoặc để tạo ra sản phẩm phải có tính năng, chất lượng, giá cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu.

b) Kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có khả năng lan tỏa hoặc có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực.

c) Có phương án huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước.

d) Thời gian thực hiện dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh tối đa không quá 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng khoa học và công nghệ; trường hợp đặc biệt cần kéo dài hơn do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Thời gian kéo dài được thực hiện tại Điều 25 của Quy chế này.

Điều 7. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở phải có tính mới, tính khả thi và giải quyết các vấn đề cấp thiết của cơ sở cũng như nhân rộng các mô hình đã thành công từ các đề tài, dự án khoa học và công nghệ ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ cho nhu cầu phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải phù hợp với định hướng của cơ sở; có kế hoạch và phương án nguồn lực khả thi, phù hợp để ứng dụng, nhân rộng kết quả thành công của nhiệm vụ.

3. Hồ sơ đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở phải có mục tiêu, nội dung và giải pháp tổ chức, khả năng phối hợp thực hiện hiệu quả, dự kiến kết quả, sản phẩm đạt được, phương pháp nghiên cứu phù hợp và cụ thể.

4. Sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở phải là luận cứ khoa học, cơ sở để xây dựng định hướng của cơ sở hoặc phát triển các sản phẩm như: giống mới, công nghệ, quy trình, mô hình ứng dụng đáp ứng các nhu cầu sản xuất và đời sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

5. Thời gian thực hiện không quá 24 tháng tính từ ngày ký hợp khoa học và công nghệ; trường hợp đặc biệt do thủ trưởng cấp cơ sở xem xét, quyết định. Thời gian kéo dài được thực hiện tại Điều 53 của Quy chế này.

Điều 8. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất

1. Khi phát sinh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao, đơn vị được giao có nhiệm vụ gửi hồ sơ (theo quy định) về Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đặt hàng thực hiện nhiệm vụ theo phương thức giao trực tiếp.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất phục vụ công tác quản lý nhà nước được ưu tiên thực hiện trước các nhiệm vụ khác. Quy trình phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất được tiến hành ngay khi có yêu cầu, không phụ thuộc kế hoạch khoa học và công nghệ của năm. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm làm việc với các cơ quan liên quan để ưu tiên phân bổ kinh phí sau khi thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt.

Chương II

QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Mục 1

XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 9. Căn cứ đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nghị quyết của Đảng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát

triển khoa học và công nghệ giai đoạn 05 năm hoặc 10 năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Thực tiễn công tác quản lý nhà nước của tỉnh và các sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp.

3. Những vấn đề khoa học và công nghệ quan trọng nhằm giải quyết những nhiệm vụ của tỉnh về đối ngoại, quốc phòng, an ninh, nội chính, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ hoặc các nhiệm vụ đặc biệt phát sinh theo yêu cầu của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 10. Nguyên tắc xác định đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Có đủ căn cứ về tính cấp thiết, giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ và có tầm quan trọng đối với sự phát triển của ngành, địa phương; kết quả tạo ra có ý nghĩa đối với việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi của tỉnh.

2. Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện tại địa phương.

3. Có địa chỉ ứng dụng cụ thể cho các kết quả chính tạo ra. Các sở, ban, ngành, địa phương và doanh nghiệp ứng dụng kết quả dự kiến có đủ năng lực và uy tín để tiếp nhận và triển khai một cách hiệu quả sản phẩm tạo ra.

4. Đáp ứng nội dung quy định tại Điều 6 Quy chế này đối với từng loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 11. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Định kỳ hoặc theo tính cấp thiết, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản hoặc làm việc trực tiếp và thông báo trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ (<http://skhcnbinhdinh.gov.vn>) về định hướng phát triển khoa học và công nghệ ưu tiên của tỉnh và thời hạn để các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh gửi đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các tổ chức, cá nhân được thực hiện.

3. Định kỳ hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, đánh giá sơ bộ về tính cấp thiết và tính khả thi của đề xuất đặt hàng; tổng hợp tất cả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các tổ chức, cá nhân đề xuất đặt hàng theo từng lĩnh vực để trình Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 12. Thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (gọi tắt là Hội đồng tư vấn) theo chuyên ngành khoa học và công nghệ phù hợp với lĩnh vực của đề xuất đặt hàng.

Hội đồng có thể tư vấn cho một hoặc một số đề xuất đặt hàng trong cùng lĩnh vực hoặc chuyên ngành khoa học và công nghệ.

2. Hội đồng tư vấn có từ 07 đến 09 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch (nếu cần) và các thành viên, trong đó có 02 thành viên phản biện và 01 thành viên thư ký Hội đồng. Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên của Hội đồng tư vấn là người có chuyên môn phù hợp, cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn thuộc các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trong đó ít nhất 02 thành viên có chuyên môn sâu làm thành viên phản biện cho mỗi đề xuất đặt hàng.

3. Đối với các đề xuất đặt hàng phức tạp hoặc có yêu cầu đặc thù, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần Hội đồng khác với quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 13. Phương thức làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền và phải có đủ 02 thành viên phản biện và Thư ký khoa học của Hội đồng.

2. Thành viên hội đồng tư vấn có trách nhiệm nghiên cứu trước tài liệu do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp và nhận xét, đánh giá đề xuất đặt hàng.

3. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Các ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua khi có ít nhất 3/4 số thành viên của Hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức bỏ phiếu.

4. Trên cơ sở kết quả phiếu đánh giá của các thành viên, nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Hội đồng tư vấn đề nghị đưa vào danh mục đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân thực hiện phải có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu “Đề nghị thực hiện”.

5. Hội đồng thảo luận cụ thể để biểu quyết thống nhất về tên nhiệm vụ, định hướng mục tiêu, yêu cầu đối với kết quả và phương thức tổ chức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp), kể cả việc mời chuyên gia cùng tham gia nghiên cứu giải quyết nhiệm vụ; biểu quyết để sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong danh mục nhiệm vụ đề xuất đặt hàng.

6. Đối với các nhiệm vụ đề nghị “Không thực hiện”, Hội đồng thống nhất ý kiến đánh giá về lý do đề nghị không thực hiện.

7. Thư ký lập biên bản làm việc của Hội đồng.

Điều 14. Nội dung thảo luận của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nội dung thảo luận của Hội đồng xác định đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm

a) Tính cấp thiết của việc thực hiện đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm trong đề xuất đặt hàng.

b) Tính liên ngành, liên vùng và tầm quan trọng của vấn đề khoa học đặt ra trong nhiệm vụ đề xuất.

c) Khả năng không trùng lặp của đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện.

d) Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực khoa học và công nghệ của tỉnh cho việc thực hiện đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm.

đ) Khả năng huy động được nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện đối với dự án sản xuất thử nghiệm.

2. Nội dung thảo luận của Hội đồng xác định đề án khoa học

a) Tính cấp thiết và triển vọng ứng dụng các kết quả vào việc xây dựng và hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý.

b) Tính liên ngành, liên vùng và tầm quan trọng của vấn đề khoa học đặt ra trong đề xuất đặt hàng.

c) Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực của tỉnh cho việc thực hiện đề án khoa học.

3. Nội dung thảo luận của Hội đồng xác định dự án khoa học và công nghệ

a) Tính cấp thiết và mục tiêu của đề xuất đặt hàng trong việc sản xuất các sản phẩm trọng điểm chủ lực của tỉnh.

b) Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực của tỉnh cho việc thực hiện đề xuất đặt hàng.

c) Tính khả thi của dự án khoa học và công nghệ thể hiện qua các nội dung đặt ra trong đề xuất đặt hàng.

Điều 15. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trên cơ sở danh mục đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được Hội đồng tư vấn thống nhất biểu quyết thông qua, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai kết quả danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ (<http://skhcnbinhdinh.gov.vn>).

Mục 2

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 16. Nguyên tắc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nguyên tắc chung

a) Việc tuyển chọn, giao trực tiếp phải đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, công bằng; kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ và các phương tiện thông tin đại chúng, trừ các nhiệm vụ thuộc bí mật quốc gia và đặc thù phục vụ an ninh, quốc phòng.

b) Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá thông qua hoạt động của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

c) Việc đánh giá được tiến hành bằng phương thức chấm điểm theo các nhóm tiêu chí và thang điểm được thực hiện theo quy định.

d) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm về việc tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có quyền lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Nguyên tắc tuyển chọn

a) Đáp ứng các nguyên tắc chung quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Tuyển chọn được áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhiều tổ chức và cá nhân có khả năng tham gia thực hiện.

c) Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ và trên các phương tiện thông tin đại chúng khác. Thông báo trực tiếp đến một số tổ chức, cá nhân có khả năng đăng ký tham gia tuyển chọn.

3. Nguyên tắc giao trực tiếp

a) Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao trực tiếp phải đáp ứng một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Khoa học và Công nghệ và đảm bảo các nguyên tắc chung quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Giao trực tiếp được thực hiện bằng hình thức gửi văn bản đến tổ chức, cá nhân được chỉ định để yêu cầu chuẩn bị hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 17. Hồ sơ và nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện theo Điều 5, Điều 6 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 18. Mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Tổ mở hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo Điều 7 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 19. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

a) Hội đồng có từ 07 đến 09 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch (nếu cần) và các thành viên, trong đó có 02 thành viên phản biện và 01 thành viên thư ký khoa học.

b) Thành viên Hội đồng là người có chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn thuộc các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

c) Thành viên phản biện là người có kinh nghiệm, chuyên môn sâu trong lĩnh vực mà nhiệm vụ được xem xét.

d) Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phức tạp hoặc có yêu cầu đặc thù, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần Hội đồng khác với quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Cá nhân thuộc các trường hợp sau không được là thành viên Hội đồng:

a) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ.

b) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

3. Các chuyên gia, các thành viên phản biện tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được ưu tiên mời gia tham gia Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh tương ứng.

4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cử thư ký hành chính giúp việc cho các Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp chuẩn bị và gửi tài liệu đến tất cả thành viên Hội đồng hoặc chuyên gia (nếu có) tối thiểu là 05 ngày làm việc trước phiên họp đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp.

5. Tài liệu phục vụ phiên họp Hội đồng gồm:

- a) Quyết định thành lập Hội đồng.
- b) Trích lục danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được phê duyệt.
- c) Bản sao hồ sơ gốc hoặc bản điện tử của hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.
- d) Mẫu Phiếu nhận xét.

6. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng thực hiện tại Điều 10 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước

7. Các thành viên Hội đồng thực hiện đánh giá độc lập, trung thực, khách quan; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng. Hội đồng có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá tuyển chọn, giao trực tiếp.

8. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể kiến nghị Sở Khoa học và Công nghệ thành lập tổ kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Hội đồng đánh giá, chấm điểm độc lập từng hồ sơ theo các nhóm tiêu chí và thang điểm quy định. Các nhóm tiêu chí đánh giá theo thang điểm tối đa 100 điểm.

10. Hội đồng kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển hoặc được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- a) Có hồ sơ được xếp hạng với tổng số điểm trung bình của các tiêu chí cao nhất và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên; trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm).

b) Đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì ưu tiên hồ sơ có cam kết và đối ứng vốn ngoài ngân sách nhà nước nhiều hơn. Đối với các hồ sơ có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước bằng nhau hoặc không có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước thì ưu tiên hồ sơ có điểm trung bình về năng lực của tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm cao hơn.

c) Được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng có mặt (trong đó có ít nhất 01 thành viên phản biện) đánh giá tổng mức kinh phí phù hợp với các sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh.

11. Hội đồng kết luận chung về hồ sơ của tổ chức được kiến nghị trúng tuyển hoặc giao trực tiếp:

a) Những điểm cần loại bỏ, sửa đổi, bổ sung trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, các sản phẩm khoa học và công nghệ chính với những chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng phải đạt; sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh.

b) Số lượng chuyên gia trong và ngoài nước cần thiết để tham gia thực hiện.

c) Phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

12. Thư ký khoa học ghi và hoàn thiện biên bản họp Hội đồng.

13. Hội đồng thông qua biên bản họp Hội đồng.

Điều 20. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ (gọi tắt là Tổ thẩm định) trên cơ sở đề nghị của lãnh đạo Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định. Tổ thẩm định có 05 thành viên và 01 thư ký hành chính, trong đó:

a) Tổ trưởng tổ thẩm định là lãnh đạo Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh.

b) Một thành viên là lãnh đạo Văn phòng của Sở Khoa học và Công nghệ (quản lý lĩnh vực kế hoạch - tài chính).

c) Một thành viên đại diện Sở Tài chính.

d) Một thành viên là chuyên gia phản biện của Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

đ) Một thành viên đại diện Phòng Quản lý khoa học thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

e) Một thành viên thư ký thuộc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định.

3. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phức tạp, đặc thù hoặc theo yêu cầu thực tiễn, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần Tổ thẩm định khác với quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Chậm nhất là 10 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ theo quy định, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định tổ chức họp Tổ thẩm định. Tổ trưởng Tổ thẩm định chủ trì phiên họp và phải có mặt ít nhất 4/5 thành viên, trong đó phải có thành viên là thành viên phản biện của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp.

5. Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ trình bày những nội dung đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của Hội đồng tại phiên đánh giá hồ sơ, trả lời các câu hỏi của thành viên Tổ thẩm định.

6. Nhiệm vụ của Tổ thẩm định

a) Đánh giá sự phù hợp của các nội dung nghiên cứu với kết luận của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp, dự toán kinh phí của nhiệm vụ với chế độ quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền ban hành để xác định: kiểm tra định mức hệ số tiền công cho các thành viên thực hiện; chi phí thuê chuyên gia (nếu có); kinh phí hỗ trợ mua nguyên vật liệu, thiết bị và các khoản chi khác cũng như thời gian cần thiết để thực hiện.

b) Đánh giá phương án huy động và khả năng đối ứng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) của tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp; đề xuất các văn bản cần bổ sung trước khi ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (nếu cần thiết).

c) Kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác (nếu có), phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

d) Báo cáo bằng văn bản cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và đề xuất phương án xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết, phát sinh trong quá trình thẩm định hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để xem xét, quyết định trong các trường hợp sau: thành viên Tổ thẩm định không nhất trí với kết luận chung của Tổ thẩm định và đề nghị bảo lưu ý kiến; những nội dung công việc của nhiệm vụ phải thực hiện mà chưa có nội dung, định mức chi theo quy định hoặc kinh phí cần chi cao hơn định mức hiện hành.

7. Tổ trưởng và các thành viên Tổ thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định.

8. Thư ký hành chính giúp Tổ thẩm định hoàn thiện biên bản thẩm định.

9. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày họp thẩm định, Tổ thẩm định hoàn thành biên bản thẩm định gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 21. Phê duyệt nhiệm vụ và ký hợp đồng khoa học và công nghệ

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp và Tổ thẩm định:

a) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có dự toán kinh phí do ngân sách nhà nước cấp trên 1.000.000.000 đồng.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh uỷ quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt nội dung thuyết minh và kinh phí thực hiện đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có dự toán kinh phí do ngân sách nhà nước cấp từ 1.000.000.000 đồng trở xuống.

c) Quyết định phê duyệt nội dung và dự toán kinh phí của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ là căn cứ pháp lý cho việc ký kết hợp đồng với các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của cơ quan có thẩm quyền, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phải tiến hành ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ.

Điều 22. Lưu giữ hồ sơ gốc và quản lý thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Khi kết thúc quá trình tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, Thư ký hành chính của các Hội đồng có trách nhiệm tổng hợp tài liệu (kể cả các hồ sơ không trúng tuyển) để lưu trữ theo quy định hiện hành.

2. Thành viên Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp, Thư ký hành chính và các tổ chức, cá nhân liên quan phải tuân thủ các quy định về quy trình tuyển chọn, giao trực tiếp giữ bí mật các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá, tuyển chọn tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 23. Hủy quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trong thời gian kể từ ngày quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có hiệu lực đến thời điểm ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt có quyền hủy bỏ quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao

trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh nêu phát hiện một trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh có hành vi giả mạo, gian lận hoặc khai báo, cam kết không trung thực trong hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

b) Vi phạm các điều kiện tại Điều 6 Quy chế này.

c) Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có quyết định bị hủy bỏ phải chịu các hình thức xử lý theo quy định hiện hành có liên quan.

Mục 3

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 24. Kiểm tra, báo cáo, đánh giá thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trong quá trình triển khai thực hiện, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những sai sót làm ảnh hưởng đến mục tiêu, nội dung, tiến độ kế hoạch, kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt.

2. Định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu kể từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ và kèm theo hồ sơ đề nghị thanh toán khối lượng đã hoàn thành theo các biểu mẫu quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành liên quan, cơ quan đề xuất đặt hàng (nếu có) tổ chức kiểm tra định kỳ 01 năm 01 lần hoặc đột xuất (khi cần thiết) về tiến độ thực hiện, nội dung và tình hình sử dụng kinh phí theo hợp đồng đã ký; trường hợp kiểm tra đột xuất sẽ thông báo cho tổ chức chủ trì trước 03 ngày làm việc.

4. Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổng hợp kết quả, đề xuất phương án xử lý cần thiết. Kết quả kiểm tra được lập thành biên bản và là căn cứ để Sở Khoa học và Công nghệ xem xét việc đình chỉ hoặc tiếp tục triển khai thực hiện, điều chỉnh bổ sung và thanh lý hợp đồng và là căn cứ để Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định thanh toán khối lượng đã hoàn thành.

Điều 25. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ chức chủ trì được chủ động quyết định điều chỉnh:

a) Điều chỉnh nội dung đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng và tự chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình.

b) Thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ trong các trường hợp sau: chủ nhiệm nhiệm vụ đi học tập, công tác dài hạn trên 06 tháng liên tục; bị ốm đau, bệnh tật không có khả năng điều hành hoạt động nghiên cứu của nhiệm vụ (có văn bản đề nghị của cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc xác nhận của cơ quan y tế); chủ nhiệm nhiệm vụ tử vong; mất tích trên 06 tháng; chủ nhiệm nhiệm vụ có văn bản đề nghị thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ vì lý do cá nhân không thể tiếp tục thực hiện công việc được giao; chủ nhiệm nhiệm vụ không hoàn thành tiến độ và nội dung nhiệm vụ theo đặt hàng mà không có lý do chính đáng, vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính theo kết luận của đoàn kiểm tra, thanh tra hoặc phải đình chỉ công tác. Chủ nhiệm nhiệm vụ mới phải đáp ứng các điều kiện tại Điều 6 Quy chế này.

c) Điều chỉnh, bổ sung cá nhân tham gia nghiên cứu để đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ đã được phê duyệt. Việc thay đổi cá nhân tham gia nghiên cứu phải có sự đồng thuận của người được bổ sung và người được thay thế.

d) Điều chỉnh dự toán theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 30/12/2015 của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

đ) Điều chỉnh nội dung, thời điểm và thời gian tổ chức đoàn ra phù hợp với thực tế, đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ. Mọi trường hợp điều chỉnh đoàn ra không được tăng tổng kinh phí chi cho mục đoàn ra đã được phê duyệt.

e) Việc điều chỉnh của Tổ chức chủ trì phải có văn bản đề nghị gửi Sở Khoa học và Công nghệ để lấy ý kiến thống nhất.

2. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt xem xét, quyết định việc điều chỉnh:

a) Tổ chức chủ trì trong trường hợp có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc sáp nhập, chia tách, giải thể Tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

b) Tên, mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần. Không điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng.

c) Điều chỉnh dự toán theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

d) Gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ. Việc gia hạn thời gian chỉ được thực hiện 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ. Thời gian gia hạn không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 24 tháng và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện không quá 24 tháng. Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 tháng.

3. Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của cơ quan đề xuất đặt hàng trước khi quyết định điều chỉnh.

Điều 26. Chấm dứt hợp đồng

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã kết thúc và được nghiệm thu.
2. Đề xuất của chủ nhiệm vụ, tổ chức chủ trì hoặc ý kiến của cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì (nếu có) về việc chấm dứt thực hiện hợp đồng trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ gặp các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn và các trường hợp khách quan khác dẫn đến không thể hoàn thành phải được cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.
3. Chấm dứt thực hiện hợp đồng khi có sự vi phạm hợp đồng: các điều kiện theo hợp đồng không được bảo đảm dẫn đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có khả năng hoàn thành; nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện không đúng nội dung nghiên cứu theo hợp đồng đã ký kết; kinh phí bị sử dụng sai mục đích.
4. Chấm dứt thực hiện hợp đồng khi có căn cứ cho rằng chủ nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Tổ chức chủ trì không đủ năng lực tổ chức quản lý; hướng nghiên cứu bị bế tắc, không còn nhu cầu nghiên cứu.
5. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.
6. Tổ chức, cá nhân bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
7. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật.
8. Căn cứ quyết định chấm dứt thực hiện hợp đồng, Sở Khoa học và Công nghệ, Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện việc thanh lý hợp đồng theo quy định hiện hành.

Điều 27. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Việc đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tiến hành theo 02 bước: tự đánh giá (đánh giá kết quả ở cấp cơ sở) và đánh giá kết quả ở cấp quản lý (cấp tỉnh).

2. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm thành lập hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trước khi nộp hồ sơ cho Sở Khoa học và Công nghệ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 28. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (đánh giá cấp cơ sở)

1. Hồ sơ đánh giá thực hiện theo quy định tại Điều 5, Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở có 07 đến 09 thành viên, gồm Chủ tịch, 01 uỷ viên thư ký, 02 uỷ viên phản biện và các uỷ viên khác. Thành viên Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở là những cán bộ khoa học, cán bộ quản lý có năng lực, uy tín, am hiểu lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ và không có tên trong danh sách những người tham gia thực hiện nhiệm vụ, trong đó có ít nhất 02 thành viên Hội đồng là người ngoài của tổ chức chủ trì.

3. Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở xem xét nội dung, khối lượng sản phẩm, phương pháp nghiên cứu, các chỉ tiêu, yêu cầu khoa học, kết quả nghiên cứu, mức độ hoàn thành so với nội dung thuyết minh đề tài và hợp đồng để đánh giá theo 02 mức: “Đạt” hoặc “Không đạt”. Đề tài được đánh giá ở mức “Đạt” là cơ sở để đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh.

4. Trong trường hợp đề tài xếp loại “Không đạt” Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở nêu rõ lý do và đề nghị đề tài được tiếp tục hoàn thiện hoặc phải đình chỉ thực hiện tùy thuộc vào các lý do sau:

a) Do không bảo đảm khối lượng, chất lượng nghiên cứu được đề nghị tiếp tục hoàn thiện, chủ nhiệm đề tài phải bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện hồ sơ của đề tài theo ý kiến của Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở và làm lại thủ tục đánh giá cấp cơ sở trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở. Trường hợp không bảo đảm thời hạn trên, tổ chức chủ trì phải có văn bản đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc gia hạn, thời gian gia hạn để hoàn thiện sản phẩm của đề tài tối đa là 60 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở.

b) Do hồ sơ, tài liệu không trung thực, sao chép kết quả nghiên cứu của người khác hoặc làm trái các quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, tổ chức chủ trì có trách nhiệm xem xét và có văn bản đề nghị Sở Khoa học và Công

nghệ đình chỉ thực hiện.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của tổ chức chủ trì, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét, quyết định gia hạn thời gian thực hiện hoặc đình chỉ thực hiện nhiệm vụ.

Điều 29. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Thời hạn nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu thực hiện tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Khoa học và Công nghệ, gồm 10 bộ hồ sơ có dấu và chữ ký trực tiếp của cơ quan chủ trì nhiệm vụ và chữ ký của chủ nhiệm nhiệm vụ.

4. Sở Khoa học và Công nghệ thông báo cho cơ quan chủ trì tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị nghiệm thu được thực hiện tại khoản 3 Điều 7 của Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 30. Hội đồng và tổ chuyên gia tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thành lập trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

2. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có từ 07 đến 09 thành viên, gồm Chủ tịch, 02 thành viên phản biện, thành viên thư ký khoa học và các thành viên khác, trong đó:

a) Hội đồng có 2/3 thành viên là chuyên gia khoa học và công nghệ được lấy từ cơ sở dữ liệu chuyên gia của Sở Khoa học và Công nghệ, 1/3 thành viên đại diện cho cơ quan quản lý, tổ chức có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu, cơ quan đề xuất đặt hàng.

b) Thành viên là chuyên gia khoa học và công nghệ quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này làm việc tại tổ chức chủ trì có thể tham gia hội đồng nhưng không được làm Chủ tịch, thành viên thư ký khoa học.

3. Những trường hợp không được tham gia Hội đồng:

- a) Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ.
- b) Người đang bị xử phạt do vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích.
- c) Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con ruột, con nuôi, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, bao gồm cả bên vợ (chồng).

4. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ được thành lập Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong trường hợp nhiệm vụ có sản phẩm đo kiểm được. Tổ chuyên gia có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định độ tin cậy, nhận định tính xác thực các sản phẩm của nhiệm vụ.

5. Tổ chuyên gia có 04 thành viên gồm các thành viên của Hội đồng, trong đó có 01 Tổ trưởng.

Điều 31. Nội dung đánh giá và yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ

1. Nội dung đánh giá

a) Đánh giá về báo cáo tổng hợp: đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô-gíc của báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng...) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn).

b) Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ so với đặt hàng, bao gồm: số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm, tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

2. Yêu cầu cần đạt đối với báo cáo tổng hợp

- a) Tổng quan được các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ.
- b) Số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật.
- c) Nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ được trình bày theo kết cấu hệ thống và lô-gíc khoa học, với các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận và thực tiễn cụ thể giải đáp các vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản ánh trung thực kết quả nhiệm vụ.

d) Kết cấu nội dung, văn phong khoa học phù hợp.

3. Yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ

a) Đối với sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có các thông số kỹ thuật đo kiểm được (kể cả phần mềm máy tính), thì tính xác thực của các thông số kỹ thuật và tài liệu công nghệ phải được một Tổ chuyên gia thẩm định trước khi Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành tư vấn nghiệm thu cấp tỉnh hợp đánh giá. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Tổ chuyên gia.

b) Đối với sản phẩm là nguyên lý ứng dụng, phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ; bản đồ; số liệu; cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình...); đề án, quy hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật; báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm tương tự khác cần được thẩm định bởi Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ hoặc tổ chuyên gia do Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập.

c) Đối với sản phẩm là kết quả đào tạo sau đại học, giải pháp hữu ích, sáng chế, công bố, xuất bản và các sản phẩm tương tự khác cần có văn bản xác nhận của cơ quan chức năng phù hợp.

4. Trên cơ sở xem xét nội dung báo cáo tổng hợp; số lượng, chủng loại, khối lượng, chất lượng sản phẩm; phương pháp nghiên cứu; các chỉ tiêu, yêu cầu khoa học, kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ; mức độ hoàn thành báo cáo và tài liệu so với nội dung thuyết minh và hợp đồng, Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ nghiệm thu cấp tỉnh đánh giá theo phương pháp bỏ phiếu xếp loại theo 03 mức sau: “Xuất sắc”; “Đạt” và “Không đạt”.

5. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ nộp hồ sơ nghiệm thu chậm so với thời hạn kết thúc hợp đồng từ 90 ngày làm việc trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Sở Khoa học và Công nghệ thì không được đánh giá xếp loại theo mức “Xuất sắc”.

6. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ họp Hội đồng, Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ nghiệm thu cấp tỉnh có trách nhiệm hoàn thành biên bản họp và yêu cầu tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ hoàn chỉnh hồ sơ theo ý kiến đóng góp của Hội đồng và nộp sản phẩm, tài liệu cho Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.

7. Riêng nhiệm vụ đánh giá xếp loại “Không đạt” Hội đồng có thể kiến nghị cho nghiệm thu lại hoặc không. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc gia hạn để sửa chữa, hoàn thiện và làm lại thủ tục đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh trên cơ sở kiến nghị cho nghiệm thu lại của Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh. Thời gian gia hạn để sửa chữa, hoàn thiện đề tài, dự án tối đa 60 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của Hội đồng.

8. Đối với nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá mức “Đạt” trở lên, trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả đánh giá, chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của Hội đồng.

9. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với chủ tịch Hội đồng kiểm tra, giám sát việc thực hiện hồ sơ đánh giá nhiệm vụ. Chủ tịch Hội đồng xác nhận về việc hoàn thiện báo cáo tổng hợp của chủ nhiệm nhiệm vụ.

Điều 32. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá mức “Đạt” trở lên sẽ được quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng ngân sách nhà nước được kiểm kê và bàn giao theo quy định hiện hành.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ bị đánh giá mức “Không đạt”, Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ vào ý kiến tư vấn của Hội đồng nghiệm thu về các lý do chủ quan, khách quan, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành.

3. Việc công bố và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

4. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có kết quả thực hiện nhiệm vụ bị đánh giá ở mức “Không đạt” hoặc gửi Hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ về Sở Khoa học và Công nghệ không đúng thời gian quy định sẽ bị hạn chế quyền đăng ký xét giao trực tiếp hoặc tuyển chọn nhiệm vụ cấp tỉnh theo Điều 6 của Quy chế này.

Điều 33. Đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tổ chức chủ trì thực hiện đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ tại Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

Điều 34. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ thực hiện tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ thực hiện tại khoản 2 Điều 17 của Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Trường hợp không đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ thì bị xử phạt về vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ và các quy định pháp luật liên quan khác.

Điều 35. Thanh lý hợp đồng

1. Trường hợp chấm dứt hợp đồng theo Điều 25 Quy chế này. Căn cứ quyết định chấm dứt thực hiện hợp đồng, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc thanh lý hợp đồng với Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành thanh lý hợp đồng chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định công nhận kết quả, đã thực hiện giao nộp sản phẩm, đăng ký lưu giữ kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ và hoàn thành thủ tục quyết toán tài chính của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Mục 4

QUẢN LÝ KINH PHÍ ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 36. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

2. Đối với nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh, hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ của địa phương, đề trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 37. Lập, thẩm tra, phê duyệt kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Quy trình lập, phân bổ và giao dự toán chi ngân sách Nhà nước cho các tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức chủ trì, cá nhân Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh căn cứ mục tiêu, yêu cầu, nội dung, khối lượng thực hiện gắn với sản phẩm cụ thể và định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ, ngành chức năng ban hành có trách nhiệm xây dựng dự toán trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

3. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 38. Cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ

1. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định thực hiện cấp kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia (giao cho tỉnh trực tiếp quản lý), các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Căn cứ hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được ký kết, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định chuyển kinh phí thực hiện nhiệm vụ vào tài khoản tiền gửi khác đã được mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh của tổ chức chủ trì nhiệm vụ. Việc cấp kinh phí phải căn cứ vào hợp đồng đã ký kết và phù hợp tiến độ thực hiện của hợp đồng.

3. Hàng năm, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định thực hiện tổng hợp số liệu kinh phí đã nhận, đã cấp, đã quyết toán và báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị liên quan theo quy định.

Điều 39. Quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Việc quản lý, sử dụng thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước theo phương thức khoán chi được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 30/12/2015 của liên Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản quy định hiện hành khác.

2. Cơ quan chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ với Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định; Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định chịu trách nhiệm thanh, quyết toán kinh phí, chịu sự kiểm tra, giám sát theo các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 40. Xử lý đối với trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành

Đối với trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 30/12/2015 của liên Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 41. Quản lý, sử dụng, xử lý tài sản hình thành từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước

Việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các

nhệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Chương III

QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Mục 1

ĐỀ XUẤT, XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 42. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hàng năm, thủ trưởng cấp cơ sở thông báo cho các tổ chức, cá nhân trực thuộc đơn vị mình quản lý đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Bộ phận tham mưu quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cơ sở tổng hợp danh mục đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân đề xuất trình Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở xem xét.

Điều 43. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do thủ trưởng cấp cơ sở quyết định thành lập.

2. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Hội đồng) do thủ trưởng cấp cơ sở quyết định số lượng và thành phần Hội đồng (tùy thuộc vào lĩnh vực và tính chất của các nhiệm vụ được đề xuất), nhưng tối đa không quá 10 thành viên, gồm: Chủ tịch (là lãnh đạo của đơn vị phụ trách theo dõi về hoạt động khoa học và công nghệ), 02 thành viên phản biện và các thành viên, trong đó có 01 thành viên là thư ký khoa học của Hội đồng.

3. Hội đồng có trách nhiệm xác định danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất đặt hàng: xác định tên, mục tiêu, sản phẩm dự kiến đạt được và phương thức tổ chức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp) của từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Tài liệu họp của Hội đồng được bộ phận tham mưu quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cơ sở gửi cho các thành viên Hội đồng ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp bao gồm:

- a) Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân.
- b) Công văn đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có)
- c) Danh mục tổng hợp danh mục nhiệm vụ.

5. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

a) Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó có Chủ tịch Hội đồng, 02 thành viên phản biện và thư ký khoa học Hội đồng. Bộ phận tham mưu

quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cơ sở cử 01 chuyên viên làm thư ký hành chính giúp việc cho cuộc họp Hội đồng.

b) Hội đồng nhận xét, đánh giá bỏ phiếu đối với từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đề xuất.

c) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Hội đồng bỏ phiếu lựa chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo hai hình thức: “Đề nghị thực hiện” và “Đề nghị không thực hiện”.

d) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được “Đề nghị thực hiện” khi tất cả các nội dung trong phiếu đánh giá được đánh giá đạt yêu cầu và “Đề nghị không thực hiện” khi một trong các nội dung đánh giá được đánh giá không đạt yêu cầu.

đ) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Hội đồng đề nghị thực hiện khi có ít nhất 3/4 số thành viên của Hội đồng có mặt bỏ phiếu thông qua.

e) Phiên họp Hội đồng phải được lập thành biên bản.

6. Trình tự, thủ tục làm việc của Hội đồng

a) Thư ký Hội đồng công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần đại biểu tham dự và mời Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp.

b) Các thành viên Hội đồng thảo luận về từng nhiệm vụ đề xuất với các tiêu chí sau: tính cấp thiết, tính mới, khả năng không trùng lặp, tính khả thi và khả năng ứng dụng, khả năng huy động nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước.

c) Các thành viên Hội đồng đánh giá các đề xuất và bỏ Phiếu đánh giá đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các biểu mẫu quy định.

d) Hội đồng cử Ban kiểm phiếu gồm ba thành viên (Trưởng ban kiểm phiếu là thư ký khoa học, một thành viên của Hội đồng và một thành viên là thư ký hành chính), giúp Hội đồng tổng hợp kết quả kiểm phiếu theo mẫu quy định.

đ) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đưa vào danh mục đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân thực hiện khi có trên 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt “Đề nghị thực hiện”.

e) Đối với các nhiệm vụ được đề xuất thực hiện, Hội đồng thảo luận cụ thể để biểu quyết thống nhất về tên nhiệm vụ, phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp); biểu quyết để sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong danh mục nhiệm vụ đề xuất đặt hàng.

g) Đối với các nhiệm vụ đề nghị không thực hiện, Hội đồng thảo luận cụ thể để biểu quyết thống nhất về lý do đề nghị không thực hiện.

h) Kết quả đánh giá, tư vấn xác định nhiệm vụ được ghi vào biên bản họp Hội đồng.

i) Chủ tịch Hội đồng kết luận những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi (nếu có).

Điều 44. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Căn cứ vào kết quả tư vấn của Hội đồng, bộ phận tham mưu quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cơ sở tổng hợp danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được đề nghị thực hiện (tên, mục tiêu, dự kiến sản phẩm đạt được, dự kiến thời gian thực hiện, phương thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp) trình thủ trưởng cấp cơ sở xem xét, phê duyệt.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được phê duyệt phải thông báo đến các tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ và thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị cấp cơ sở, đồng thời gửi cho Sở Khoa học và Công nghệ để theo dõi, quản lý.

Điều 45. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đột xuất do Thủ trưởng cấp cơ sở giao trực tiếp

1. Khi phát sinh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất do thủ trưởng cấp cơ sở giao trực tiếp, các đơn vị được giao nhiệm vụ gửi hồ sơ đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ (văn bản giao nhiệm vụ, công văn đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức chủ trì, đề cương nghiên cứu, sản phẩm dự kiến và dự toán kinh phí thực hiện) về bộ phận tham mưu quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cơ sở để trình thủ trưởng cấp cơ sở quyết định đặt hàng thực hiện nhiệm vụ theo phương thức giao trực tiếp.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đột xuất phục vụ công tác quản lý nhà nước được ưu tiên thực hiện trước các nhiệm vụ khác. Quy trình phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất được tiến hành ngay khi có yêu cầu, không phụ thuộc kế hoạch khoa học và công nghệ của năm. Bộ phận tham mưu quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cơ sở có trách nhiệm làm việc với các cơ quan liên quan để ưu tiên phân bổ kinh phí sau khi thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt.

Mục 2

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 46. Nguyên tắc tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được áp dụng đối với nhiệm vụ có nhiều tổ chức và cá nhân có khả năng tham gia thực hiện; đồng thời tổ chức, cá nhân không đáp ứng các yêu cầu đối với tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

2. Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đối với các nhiệm vụ đáp ứng các yêu cầu đối với tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo Điều 5 của Quy chế này.

Điều 47. Hồ sơ và nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Thành phần hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo Điều 17 của Quy chế này.

2. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về bộ phận tham mưu quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cơ sở. Thời hạn và địa chỉ nộp hồ sơ theo thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Điều 48. Mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Thủ trưởng cấp cơ sở quyết định thành lập Tổ mở hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được thực hiện theo Điều 18 của Quy chế này.

Điều 49. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do thủ trưởng cấp cơ sở quyết định thành lập.

2. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp có nhiệm vụ xét duyệt hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên cơ sở đánh giá tính cấp thiết, mục tiêu, nội dung thực hiện, tính hiệu quả, khả năng ứng dụng, sản phẩm đạt được...

3. Tùy thuộc vào tính chất và lĩnh vực của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở mà thủ trưởng cấp cơ sở quyết định thành phần của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, nhưng tối đa không quá 07 thành viên, gồm chủ tịch, 02 thành viên phản biện và các thành viên; trong đó có 05 thành viên là các nhà khoa học, chuyên gia có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Thư ký khoa học là thành viên Hội đồng, do Hội đồng bầu trong phiên họp.

5. Các chuyên gia, thành viên phản biện đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tương ứng.

6. Bộ phận tham mưu quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cơ sở làm thư ký hành chính giúp việc cho Hội đồng.

7. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm và thành viên thuộc tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không được tham gia Hội đồng.

8. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

a) Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó có Chủ tịch Hội đồng, 02 thành viên phản biện và 01 thành viên là thư ký Hội đồng.

b) Hội đồng bỏ phiếu đánh giá cho từng hồ sơ theo phương thức bỏ phiếu kín. Việc đánh giá được tiến hành bằng phương thức chấm điểm theo các nhóm tiêu chí, thang điểm theo các biểu mẫu quy định.

c) Hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Hội đồng đề nghị trúng tuyển, giao trực tiếp thực hiện là hồ sơ được xếp hạng với tổng số điểm trung bình của các tiêu chí cao nhất và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên.

d) Phiên họp Hội đồng phải được lập thành biên bản

9. Trình tự, thủ tục làm việc của Hội đồng

a) Thư ký Hội đồng công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần đại biểu tham dự và mời chủ tịch Hội đồng điều khiển phiên họp; Hội đồng bầu thư ký khoa học.

b) Tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện nhiệm vụ báo cáo tóm tắt thuyết minh nhiệm vụ.

c) Thành viên phản biện và các thành viên Hội đồng trình bày ý kiến nhận xét.

d) Tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện nhiệm vụ trả lời các câu hỏi của Hội đồng (nếu có).

đ) Hội đồng tiến hành thảo luận để thống nhất nội dung kết luận của Hội đồng, các thành viên Hội đồng cho điểm đánh giá thuyết minh nhiệm vụ.

e) Hội đồng cử Ban kiểm phiếu gồm ba thành viên (Trưởng ban kiểm phiếu là thư ký khoa học, 01 thành viên Hội đồng và 01 thành viên là thư ký hành chính), giúp Hội đồng tổng hợp kết quả; đối với hồ sơ tuyển chọn, kết quả được tổng hợp theo tổng số điểm trung bình từ cao xuống thấp.

g) Hội đồng công bố công khai kết quả chấm điểm, đánh giá và thông qua biên bản làm việc của Hội đồng. Kiến nghị danh sách các tổ chức, cá nhân trúng tuyển hoặc giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Tổ chức, cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển là tổ chức, cá nhân có hồ sơ xếp hạng với tổng số điểm trung bình cao nhất của các tiêu chí và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên. Trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm). Đối với các hồ sơ có điểm trung bình bằng nhau thì hồ sơ có điểm cao hơn của Chủ tịch Hội đồng được ưu tiên xếp hạng.

h) Hội đồng thảo luận thống nhất qua biểu quyết đề kiến nghị xác định kết quả phiên họp với các thông tin cơ bản:

- Tên tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm đề nghị trúng tuyển, giao trực tiếp.
- Tên nhiệm vụ, mục tiêu, nội dung của nhiệm vụ.
- Những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ của hồ sơ được Hội đồng lựa chọn trúng tuyển hoặc giao trực tiếp:
 - + Các sản phẩm khoa học và công nghệ chính với các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng cần phải đạt (nếu có).
 - + Số lượng chuyên gia trong và ngoài nước tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có).
 - + Phương thức khoán chi (khoán đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán từng phần).
 - + Các điểm cần chỉnh sửa khác trong nội dung thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

10. Trong trường hợp cần thiết và khi các thành viên của Hội đồng có ý kiến không thống nhất trong việc xem xét lựa chọn cá nhân và tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thủ trưởng đơn vị sẽ xem xét phê duyệt sau khi lấy ý kiến đánh giá của chuyên gia độc lập. Đối với mỗi hồ sơ sẽ lấy ý kiến đánh giá của 01 hoặc 02 chuyên gia tư vấn độc lập. Hồ sơ được ít nhất 01 chuyên gia tư vấn độc lập đề nghị tuyển chọn, giao trực tiếp, thủ trưởng đơn vị sẽ cân nhắc để xem xét, phê duyệt. Hồ sơ gửi chuyên gia tư vấn độc lập không có tên của tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

11. Kết quả họp Hội đồng được đơn vị cấp cơ sở có văn bản thông báo kết quả gửi các tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

12. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ họp Hội đồng, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có trách nhiệm hoàn thành biên bản họp và yêu cầu tổ chức, cá nhân được đề nghị trúng tuyển, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Hội đồng gửi về bộ phận tham mưu quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cấp cơ sở để tiến hành thẩm định kinh phí.

Điều 50. Tổ thẩm định kinh phí

1. Thủ trưởng cấp cơ sở quyết định thành lập Tổ thẩm định kinh phí các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Số lượng và thành phần của Tổ thẩm định kinh phí do thủ trưởng cấp cơ sở quyết định nhưng không quá 05 thành viên, trong đó: Tổ trưởng Tổ thẩm định là đại diện lãnh đạo đơn vị cấp cơ sở; 01 thành viên là đại diện bộ phận phụ trách tài chính của đơn vị cấp cơ sở; 01 thành viên là đại diện Hội đồng tư vấn tuyển

chọn, giao trực tiếp và các thành viên khác theo quyết định của thủ trưởng cấp cơ sở.

3. Đại diện bộ phận tham mưu quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cấp cơ sở là thư ký hành chính, có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu, giúp việc cho Tổ thẩm định. Ngoài ra, theo yêu cầu thực tiễn, Tổ trưởng Tổ thẩm định có thể mời thêm đại diện các tổ chức, cá nhân khác có liên quan tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp của Tổ thẩm định.

4. Nguyên tắc làm việc của Tổ thẩm định:

- a) Phải có mặt đầy đủ thành viên.
- b) Tổ trưởng Tổ thẩm định chủ trì phiên họp.

5. Trách nhiệm và nhiệm vụ của Tổ thẩm định

a) Chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thẩm định của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Tổ thẩm định.

b) Tổ thẩm định đánh giá sự phù hợp của các nội dung nghiên cứu với kết luận của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp, dự toán kinh phí của nhiệm vụ với chế độ quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền ban hành để xác định: kiểm tra định mức hệ số tiền công cho các thành viên thực hiện; kinh phí hỗ trợ mua nguyên vật liệu, thiết bị và các khoản chi khác cũng như thời gian cần thiết để thực hiện.

b) Đánh giá phương án huy động và khả năng đối ứng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) của tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp; đề xuất các văn bản cần bổ sung trước khi ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (nếu cần thiết).

c) Tổ thẩm định thảo luận chung để kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bao gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác), xác định dự toán khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, dự toán khoán chi từng phần. Xác định phân kỳ kinh phí theo năm ngân sách. Kết quả thẩm định kinh phí được lập thành biên bản.

d) Báo cáo bằng văn bản cho thủ trưởng cấp cơ sở và đề xuất phương án xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết, phát sinh trong quá trình thẩm định hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để xem xét quyết định trong các trường hợp sau: Thành viên Tổ thẩm định không nhất trí với kết luận chung của Tổ thẩm định và đề nghị bảo lưu ý kiến; những nội dung công việc của nhiệm vụ phải thực hiện mà chưa có nội dung, định mức chi theo quy định hoặc kinh phí cần chi cao hơn định mức hiện hành.

đ) Kết quả thẩm định được thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngay sau khi kết thúc phiên họp thẩm định.

Điều 51. Phê duyệt và ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng và Tổ thẩm định, bộ phận tham mưu quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cơ sở đề trình thủ trưởng cấp cơ sở phê duyệt: tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, thời gian thực hiện, kinh phí và phương thức khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Thủ trưởng cấp cơ sở hoặc bộ phận tham mưu quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở với tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ.

Mục 3

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 52. Kiểm tra, báo cáo, đánh giá thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những sai sót làm ảnh hưởng đến mục tiêu, nội dung, kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt.

2. Định kỳ 6 tháng 1 lần và đột xuất khi có yêu cầu kể từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm báo cáo thủ trưởng cấp cơ sở (thông qua cơ quan tham mưu hoạt động khoa học và công nghệ cấp cơ sở) về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ và kèm theo hồ sơ đề nghị thanh toán khối lượng đã hoàn thành.

3. Định kỳ mỗi năm 01 lần hoặc đột xuất khi có yêu cầu, thủ trưởng cấp cơ sở tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện, nội dung và tình hình sử dụng kinh phí theo hợp đồng đã ký.

4. Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổng hợp kết quả, đề xuất phương án xử lý cần thiết. Kết quả kiểm tra là căn cứ để thủ trưởng cấp cơ sở xem xét việc đình chỉ hoặc tiếp tục triển khai thực hiện, điều chỉnh bổ sung, tiếp tục cấp kinh phí và thanh lý hợp đồng. Biên bản kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ được lưu ở bộ phận tham mưu quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cơ sở, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 53. Điều chỉnh hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở cần điều chỉnh một số nội dung trong thuyết minh nhiệm vụ thì phải có văn bản gửi thủ trưởng cấp cơ sở để xem xét, quyết định.

2. Các nội dung được phép điều chỉnh

a) Gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ nhưng không quá 06 tháng và chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng 01 tháng.

b) Điều chỉnh dự toán kinh phí nhưng không làm phát sinh tăng thêm kinh phí được duyệt từ nguồn ngân sách nhà nước.

c) Điều chỉnh một số nội dung nhưng không làm thay đổi mục tiêu và sản phẩm của nhiệm vụ.

Điều 54. Hồ sơ và nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Thành phần hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thực hiện theo khoản 1 Điều 29 của Quy chế này.

2. Thời hạn nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu thực hiện theo khoản 2 Điều 29 của Quy chế này.

Điều 55. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hội đồng tư vấn nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do thủ trưởng cấp cơ sở quyết định thành lập.

2. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có 07 thành viên, gồm: Chủ tịch và các thành viên, trong đó có 02 thành viên phản biện và 01 thành viên thư ký Hội đồng. Các thành viên đã tham gia Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thì được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ tương ứng.

3. Cá nhân làm việc tại tổ chức chủ trì nhiệm vụ có thể tham gia Hội đồng nhưng không được làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên phản biện, thành viên thư ký Hội đồng. Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ không được tham gia Hội đồng.

4. Bộ phận tham mưu quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cơ sở cử 01 chuyên viên làm thư ký hành chính giúp việc cho Hội đồng.

5. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng đề nghị bộ phận tham mưu quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cơ sở tổ chức để Hội đồng hoặc một số

thành viên Hội đồng đi kiểm tra, đánh giá kết quả thực tế. Trên cơ sở hồ sơ, Chủ tịch Hội đồng quyết định tiến hành phiên họp, thời gian hoàn thành nghiệm thu không quá 30 ngày sau khi có Quyết định thành lập Hội đồng.

6. Hội đồng đủ điều kiện họp khi có mặt ít nhất $\frac{2}{3}$ số thành viên, trong đó có Chủ tịch Hội đồng, 02 thành viên phản biện và 01 thành viên thư ký Hội đồng. Tùy theo từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện tổ chức ứng dụng kết quả của nhiệm vụ, cơ quan quản lý, địa phương và doanh nghiệp tham dự phiên họp của Hội đồng.

7. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu có nhiệm vụ

a) Đánh giá về báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (gọi tắt là báo cáo tổng hợp): Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô-gíc của báo cáo (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng, quy trình kỹ thuật ứng dụng của nhiệm vụ khoa học và công nghệ) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn).

b) Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ so với yêu cầu của thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm: số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

8. Phương pháp đánh giá và xếp loại của Hội đồng

a) Nhiệm vụ được đánh giá trên các tiêu chí về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi vượt mức so với thuyết minh nhiệm vụ; “Đạt” khi đáp ứng đúng, đủ yêu cầu so với thuyết minh nhiệm vụ; “Không đạt” khi không đáp ứng đúng, đủ yêu cầu so với thuyết minh nhiệm vụ.

b) Đánh giá, xếp loại của Hội đồng

- Mức “Xuất sắc” nếu nhiệm vụ có ít nhất $\frac{3}{4}$ số thành viên hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Xuất sắc” và không có thành viên đánh giá ở mức “Không đạt”.

- Mức “Không đạt” nếu nhiệm vụ có nhiều hơn $\frac{1}{3}$ số thành viên hội đồng có mặt đánh giá mức không đạt.

- Mức “Đạt” nếu nhiệm vụ không thuộc 2 mức trên.

9. Trình tự làm việc của Hội đồng

a) Thư ký Hội đồng công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần đại biểu tham dự và mời Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp.

b) Tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện nhiệm vụ báo cáo tóm tắt tổng kết nhiệm vụ.

c) Thành viên phản biện và các thành viên Hội đồng trình bày ý kiến nhận xét.

d) Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ trả lời các câu hỏi của Hội đồng (nếu có).

đ) Đại diện các cơ quan phát biểu ý kiến (nếu có).

e) Hội đồng tiến hành thảo luận để thống nhất nội dung kết luận của Hội đồng, các thành viên Hội đồng đánh giá xếp loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

g) Hội đồng cử Ban kiểm phiếu gồm hai thành viên (trưởng ban kiểm phiếu là thư ký khoa học và một thành viên là thư ký hành chính), giúp Hội đồng tổng hợp kết quả theo mẫu quy định. Thư ký công bố kết quả của các thành viên Hội đồng.

h) Chủ tịch Hội đồng kết luận những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi trong báo cáo tổng kết (nếu có) và thời hạn hoàn chỉnh báo cáo tổng kết theo yêu cầu của Hội đồng; Thư ký Hội đồng hoàn thiện biên bản.

i) Trường hợp Hội đồng đánh giá xếp loại “Không đạt”, Hội đồng có trách nhiệm xem xét, xác định những công việc đã thực hiện theo thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt và các hợp đồng thực hiện công việc có liên quan, làm rõ nguyên nhân “Không đạt” (chủ quan, khách quan). Hội đồng thảo luận để thống nhất từng nội dung kết luận và thông qua biên bản.

k) Kết luận của Hội đồng được bộ phận tham mưu quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cơ sở gửi cho tổ chức chủ trì trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi kết thúc phiên họp để làm căn cứ cho việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ.

Điều 56. Xử lý kết quả nghiệm thu cấp cơ sở

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá “Đạt” với yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. Chủ nhiệm và tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo kết luận của Hội đồng và gửi về bộ phận tham mưu quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cơ sở. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá loại “Đạt” trở lên sẽ được nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

2. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiến hành các thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ để bảo hộ kết quả nghiên cứu theo quy định hiện hành.

3. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đánh giá loại “Không đạt”, bộ phận tham mưu quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cơ sở căn cứ vào ý kiến tư vấn của Hội đồng về các lý do chủ quan, khách quan, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, trình thủ trưởng cấp cơ sở quyết định xử lý đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành.

4. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện theo khoản 1 Điều 34 của Quy chế này.

b) Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo khoản 1 Điều 34 của Quy chế này.

5. Đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Việc đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được thực hiện theo Điều 33 của Quy chế này.

Điều 57. Thanh lý hợp đồng và xử lý tài sản

1. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn: căn cứ quyết định chấm dứt hợp đồng, thủ trưởng cấp cơ sở hoặc bộ phận tham mưu quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cơ sở thực hiện thanh lý hợp đồng với tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được thanh lý sau khi có quyết định công nhận kết quả của thủ trưởng cấp cơ sở và giấy chứng nhận đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

3. Việc xử lý tài sản được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 58. Quản lý kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Đối với các sở, ban, ngành: sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn ngân sách hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

b) Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cấp bổ sung cho địa phương; nguồn ngân sách huyện, thị xã, thành phố và các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ mục tiêu, yêu cầu, nội dung, khối lượng thực hiện gắn với sản phẩm cụ thể, ý kiến góp ý của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp xây dựng dự toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các quy định hiện hành trình thủ trưởng cấp cơ sở xem xét, phê duyệt.

3. Thủ trưởng cấp cơ sở chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm tra dự toán, thực hiện chi và kiểm soát chi kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành về chế độ khoán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tạm ứng, cấp phát theo tiến độ quy định trong hợp đồng.

5. Thủ trưởng cấp cơ sở chịu trách nhiệm quản lý và quyết toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 59. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

a) Ủy ban nhân dân tỉnh giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng và ban hành phương thức và quy trình làm việc của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, xây dựng các biểu mẫu hướng dẫn đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ, biểu mẫu đánh giá tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các mẫu phiếu đánh giá, biên bản khác.

b) Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành, địa phương có liên quan tổ chức xác định danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ; điều chỉnh hợp đồng; đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; xử lý theo thẩm quyền trường hợp chấm dứt hợp đồng, nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiệm thu ở mức “Không đạt”...

c) Mời đại diện cơ quan đề xuất đặt hàng, đại diện sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu tham dự các cuộc họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ; Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp; Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

d) Phối hợp với Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định trong việc thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; xử lý, thu hồi kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ không tiếp tục thực hiện, dừng thực hiện do vi phạm hợp đồng.

đ) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh đình chỉ, chấm dứt thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi thực hiện gặp các yếu tố khách quan như: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác dẫn đến không thể hoàn thành.

- Vi phạm hợp đồng: các điều kiện theo hợp đồng không được đảm bảo dẫn đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có khả năng hoàn thành; nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện không đạt được mục tiêu, không đúng nội dung theo hợp đồng đã ký kết; kinh phí bị sử dụng sai mục đích.

e) Chủ trì và phối hợp với các bên liên quan chuyển giao kết quả nghiên cứu để ứng dụng vào thực tiễn.

g) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

h) Lưu giữ hồ sơ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: theo dõi, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

3. Xây dựng các biểu mẫu theo quy định thực hiện Quy chế này.

Điều 60. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra việc chấp hành quy định quản lý tài chính đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 61. Trách nhiệm của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định

1. Chủ trì, thẩm định nguồn kinh phí được UBND tỉnh giao hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Cấp phát kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hợp đồng thực hiện nhiệm vụ đã ký kết và phù hợp với tiến độ thực hiện đề tài.

3. Thực hiện quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết những tồn tại phát sinh trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 62. Trách nhiệm của cơ quan đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ với Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ.

3. Cử đại diện tham gia các cuộc họp: Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ; Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp; mở hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn và Hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý

theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý.

5. Tiếp nhận và chịu trách nhiệm triển khai ứng dụng các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cơ quan đề xuất đặt hàng vào thực tiễn. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả ứng dụng thông qua Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 63. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Hàng năm, trên cơ sở nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của sở, ban, ngành, địa phương, chủ động đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, giám sát và đôn đốc các tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn hoặc thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị mình thực hiện đúng những cam kết trong hợp đồng.

3. Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính, phương tiện, cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết cho tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện có kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao.

4. Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện và hiệu quả ứng dụng của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do đơn vị mình chủ trì thực hiện. Tổ chức tiếp nhận và có kế hoạch tuyên truyền phổ biến, khai thác sử dụng, nhân rộng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ do đơn vị mình đề xuất đặt hàng hoặc thụ hưởng kết quả nghiên cứu. Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả ứng dụng khoa học và công nghệ thông qua Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 64. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo hợp đồng đã ký.

2. Lựa chọn cá nhân thuộc tổ chức chủ trì có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm nhiệm vụ. Trường hợp, thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ thì cá nhân được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định hiện hành. Việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ phải được Sở Khoa học và Công nghệ chấp thuận bằng văn bản.

3. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Sở Khoa học và Công nghệ; ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ.

4. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng về trách nhiệm của bên nhận đặt hàng với Sở Khoa học và Công nghệ và trách nhiệm của bên đặt hàng với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ.

5. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

6. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký với Sở Khoa học và Công nghệ; cấp đủ và đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng cho chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

7. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ theo khoản 2 Điều 24 Quy chế này. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ. Kiến nghị các điều chỉnh khi cần để thực hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ.

8. Đảm bảo các điều kiện cần thiết để chủ nhiệm nhiệm vụ hoàn thành các bước đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định này.

9. Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu đúng thời hạn quy định.

10. Cùng chủ nhiệm nhiệm vụ phối hợp với các bên liên quan tiến hành chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nhiệm vụ đã được đánh giá, nghiệm thu theo các quy định hiện hành.

11. Thực hiện đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1, Điều 29 Quy chế này.

12. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp được giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

13. Tổ chức quản lý, khai thác các kết quả của nhiệm vụ, được hưởng các quyền lợi và chịu trách nhiệm phân phối các lợi ích từ các hoạt động trên theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định về bảo vệ bí mật của Nhà nước.

15. Kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ do tổ chức chủ trì thực hiện được ghi nhận, làm căn cứ để xem xét khen thưởng và được giao thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác.

Điều 65. Trách nhiệm của chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của nhiệm vụ đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo hợp đồng đã ký.

2. Ký hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; chịu trách nhiệm đề xuất với tổ chức chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hoá sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ.

4. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ theo cam kết trong hợp đồng với tổ chức chủ trì và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết.

5. Phối hợp với tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

6. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ (mỗi quý một lần), báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện của nhiệm vụ với tổ chức chủ trì. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết khoa học và công nghệ và các tài liệu khác theo hợp đồng đã ký với tổ chức chủ trì.

7. Thực hiện các quy định chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ. Bảo đảm tính chính xác, độ tin cậy của các thông tin và số liệu trong các sản phẩm khoa học và công nghệ và hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ.

8. Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định về bảo vệ bí mật của Nhà nước.

9. Cùng tổ chức chủ trì nhiệm vụ phối hợp với các bên liên quan tiến hành chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi được đánh giá, nghiệm thu theo các quy định hiện hành.

Điều 66. Trách nhiệm của tổ chức và chuyên gia tư vấn độc lập

1. Nghiên cứu, phân tích, đánh giá và đưa ra các ý kiến phản biện đối với các hồ sơ nhiệm vụ được cung cấp.

2. Có ý kiến về những nội dung đánh giá, các yêu cầu cần bổ sung hoàn thiện và hoàn thành báo cáo tư vấn theo yêu cầu nội dung tư vấn về nhiệm vụ.

3. Trong thời gian được mời tư vấn độc lập phải giữ bí mật thông tin về nhiệm vụ được giao.

4. Không được trao đổi với chủ nhiệm, tổ chức chủ trì nhiệm vụ về các vấn đề có liên quan đến nội dung, kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Điều 67. Trách nhiệm của thành viên các Hội đồng

1. Thành viên các Hội đồng có trách nhiệm

a) Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, nhận xét về nhiệm vụ theo yêu cầu trên phiếu nhận xét trước khi tổ chức họp Hội đồng.

b) Yêu cầu tổ chức và cá nhân liên quan cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ cho việc nhận xét, đánh giá.

c) Nhận xét, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khách quan, chính xác và chịu trách nhiệm về ý kiến nhận xét, đánh giá của mình.

d) Không được cung cấp thông tin về kết quả đánh giá trước khi có quyết định công nhận kết quả; không được lưu trữ, khai thác, công bố và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ trái với quy định của pháp luật hoặc chưa được sự đồng ý của cấp quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng (*nếu có*) được ủy quyền ngoài trách nhiệm của thành viên Hội đồng quy định tại khoản 1 Điều này, còn có trách nhiệm sau:

a) Báo cáo và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến kết quả đánh giá của Hội đồng theo yêu cầu của cấp quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của chủ nhiệm nhiệm vụ theo ý kiến kết luận của Hội đồng.

3. Thư ký khoa học ngoài trách nhiệm của thành viên Hội đồng quy định tại khoản 1 Điều này, còn có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu đánh giá, tổng hợp, báo cáo kết quả bỏ phiếu của các thành viên Hội đồng.

Điều 68. Trách nhiệm của Tổ thẩm định kinh phí

1. Các thành viên Tổ thẩm định chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Tổ thẩm định, đồng thời có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình thẩm định kinh phí.

2. Báo cáo bằng văn bản và đề xuất phương án xử lý các vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết, phát sinh trong quá trình thẩm định nội dung và kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở cho thủ trưởng cấp cơ sở xem xét, quyết định.

Điều 69. Trách nhiệm của thủ trưởng cấp cơ sở

1. Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn và Tổ thẩm định kinh phí tại đơn vị cấp cơ sở gồm: Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp

cơ sở; Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Phê duyệt, quản lý việc tổ chức thực hiện và triển khai ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở của đơn vị.

3. Định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 30/5, báo cáo năm gửi trước ngày 30/11 hàng năm).

Điều 70. Trách nhiệm của bộ phận tham mưu quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cơ sở

1. Tổng hợp và kiểm tra tính hợp lệ của các hồ sơ: hồ sơ đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp; hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Trình thủ trưởng cấp cơ sở xem xét, phê duyệt danh mục đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ; phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Phối hợp với các bộ phận liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát; đăng ký, lưu giữ, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ; thanh lý hợp đồng và xử lý tài sản hình thành từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có)...

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 71. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh đến Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Phi Long